

ĐỀ CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM THI
(Bản Hướng dẫn chấm thi gồm 03 trang)

A. Hướng dẫn chung

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng, nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong Hướng dẫn chấm thi, thì vẫn cho đủ điểm như Hướng dẫn quy định.
2. Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với Hướng dẫn chấm thi và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.
3. Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,50 điểm (*lẻ 0,25 điểm làm tròn thành 0,50 điểm; lẻ 0,75 điểm làm tròn thành 1,00 điểm*).

B. Đáp án và thang điểm

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)			
I <i>(3,0 đ)</i>	1	<i>Trình bày đặc điểm khí hậu và đất của đai nhiệt đới gió mùa nước ta. Tại sao độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn ở miền Nam?</i>	1,50
		<i>a) Đặc điểm khí hậu và đất của đai nhiệt đới gió mùa:</i>	
		- Độ cao trung bình: Ở miền Bắc, dưới 600 - 700m; ở miền Nam, đến 900 - 1000m.	0,25
		- Khí hậu nhiệt đới biểu hiện rõ rệt, mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình tháng trên 25 ⁰ C). Độ ẩm thay đổi từ khô đến ẩm ướt.	0,50
	- Đất:		
	+ Đất đồng bằng (<i>diễn giải</i>).	0,25	
+ Đất vùng đồi núi thấp (<i>diễn giải</i>).	0,25		
		<i>b) Giải thích độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn ở miền Nam: Do miền Bắc có nền nhiệt thấp hơn miền Nam.</i>	0,25
	2	<i>Sự phân bố dân cư chưa hợp lí ở nước ta biểu hiện như thế nào? Sự phân bố dân cư như vậy gây ra khó khăn gì?</i>	1,50
		<i>a) Biểu hiện của sự phân bố dân cư chưa hợp lí:</i>	
		- Trung du, miền núi có nhiều tài nguyên thiên nhiên quan trọng, nhưng số dân ít, mật độ thấp.	0,25
		- Đồng bằng đất hẹp, dân đông, mật độ cao.	0,25
		- Chênh lệch lớn giữa thành thị và nông thôn.	0,50
		<i>b) Khó khăn: về sử dụng lao động và khai thác tài nguyên ...</i>	0,50
II <i>(2,0 đ)</i>	1	<i>Trình bày tình hình phát triển du lịch và nêu các trung tâm du lịch chủ yếu của nước ta.</i>	1,00
		- Phát triển nhanh từ thập kỉ 90 của thế kỉ XX đến nay.	0,25
		- Số lượt khách nội địa, khách quốc tế và doanh thu tăng.	0,25
		- Có 3 vùng du lịch (<i>kể tên</i>).	0,25
		- Các trung tâm chủ yếu: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng ...	0,25

	2	Ở nước ta hiện nay, việc đánh bắt hải sản xa bờ có ý nghĩa như thế nào đối với phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng?	1,00												
		- Khai thác nguồn lợi hải sản xa bờ, tăng sản lượng thủy sản.	0,50												
		- Khẳng định và góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển, vùng thềm lục địa và vùng trời của nước ta.	0,50												
III (3,0 đ)	1	Phân tích khả năng và hiện trạng phát triển chăn nuôi gia súc của Trung du và miền núi Bắc Bộ.	1,00												
		- Có nhiều đồng cỏ để phát triển chăn nuôi trâu, bò...	0,25												
		- Nguồn thức ăn (hoa màu) dành nhiều hơn cho chăn nuôi lợn.	0,25												
		- Trâu, bò được nuôi nhiều; đàn lợn tăng nhanh.	0,25												
		- Vận chuyển sản phẩm chăn nuôi khó khăn, đồng cỏ năng suất thấp.	0,25												
	2	Vẽ biểu đồ cột thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp của Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm và nhận xét.	2,00												
		a) Vẽ biểu đồ: - Hệ trục tọa độ. - Ba nhóm cột (có thể ghi hoặc không ghi số liệu ở trên đầu mỗi cột). - Chú giải. - Tên biểu đồ. (Có thể tham khảo biểu đồ dưới đây).	0,25 0,75 0,25 0,25												
		<p>Nghìn tỉ đồng</p> <table border="1"> <caption>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG QUA CÁC NĂM</caption> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Đông Nam Bộ (Nghìn tỉ đồng)</th> <th>Đồng bằng sông Cửu Long (Nghìn tỉ đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2000</td> <td>98.5</td> <td>18.5</td> </tr> <tr> <td>2004</td> <td>170.9</td> <td>32.3</td> </tr> <tr> <td>2007</td> <td>261.1</td> <td>54.6</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Đông Nam Bộ (Nghìn tỉ đồng)	Đồng bằng sông Cửu Long (Nghìn tỉ đồng)	2000	98.5	18.5	2004	170.9	32.3	2007	261.1	54.6	
Năm	Đông Nam Bộ (Nghìn tỉ đồng)	Đồng bằng sông Cửu Long (Nghìn tỉ đồng)													
2000	98.5	18.5													
2004	170.9	32.3													
2007	261.1	54.6													
		b) Nhận xét: (theo biểu đồ hoặc theo bảng số liệu). - Giá trị sản xuất công nghiệp của cả hai vùng đều tăng qua các năm (dẫn chứng). - Giá trị sản xuất công nghiệp của Đông Nam Bộ lớn hơn Đồng bằng sông Cửu Long (dẫn chứng).	0,25 0,25												
II. PHẦN RIÊNG - PHẦN TỰ CHỌN (2,0 điểm)															
IV.a (2,0 đ)	1	Dựa vào bản đồ Công nghiệp năng lượng của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy kể tên các nhà máy nhiệt điện và thủy điện có công suất trên 1000 MW.	1,00												
		- Nhiệt điện: Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau.	0,75												
		- Thủy điện: Hoà Bình.	0,25												

	2	<i>Nhận xét sự phân bố các nhà máy nhiệt điện đã kể trên.</i>	1,00
		- Tập trung ở miền Bắc và miền Nam.	0,25
		- Gần nguồn nhiên liệu (<i>dẫn chứng</i>)...	0,75
IV.b (2,0 đ)	1	<i>Dựa vào trang bản đồ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên của Atlas Địa lí Việt Nam, hãy kể tên các trung tâm công nghiệp có cảng biển ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.</i>	1,00
		Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết.	1,00
	2	<i>Phân tích ý nghĩa của hệ thống cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.</i>	1,00
		- Thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế của vùng. - Tạo thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới. - Tăng vai trò trung chuyển, đẩy mạnh giao lưu kinh tế. - Nâng cao vai trò của vùng trong quan hệ với các tỉnh Tây Nguyên, khu vực Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan.	0,25 0,25 0,25 0,25
ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II + III + IV.a (hoặc IV.b) = 10,00 điểm			